

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-PT
Ngày 13-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông
Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G và Huỳnh Hải Sơn L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1994 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số C C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ tên cha; con bà Nguyễn Thị Ngọc O; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 26/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 29/4/2023 cho đến nay; có mặt.

2. Huỳnh Hải Sơn L, sinh năm 1986 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A Khu phố D, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ú; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Quốc C nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 26/4/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre bắt quả tang Nguyễn Thị Ngọc G có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Bùi Phong N (sinh năm 1988; đăng ký thường trú: Số F ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre) tại phòng trọ số A, nhà T ở ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre do Đào Huỳnh L1 (sinh năm 1984; đăng ký thường trú: Số I khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre) làm chủ.

Vật chứng thu giữ gồm:

- T1 trong túi áo phía trước bên trái của Bùi Phong N 02 (hai) đoạn ống nhựa màu trắng có sọc màu trắng và màu xanh hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M.

- Thu trên nền gạch trong phòng cạnh vị trí Nguyễn Thị Ngọc G: tiền Việt Nam 200.000 đồng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1 và tiền Việt Nam 140.000 đồng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2.

- Tiến hành khám xét khẩn cấp phòng trọ số A, nhà trọ Tường Vy ở ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an còn thu giữ:

- + Trên nền gạch: 02 (hai) túi nylon màu trắng hàn kín 04 phía, 01 phía có rãnh khép và vạch ngang màu xanh, bên trong có chứa chất màu trắng nghi là ma túy; 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng hàn kín 02 đầu có sọc trắng sọc xanh bên trong có chứa chất màu trắng nghi là ma túy (Tất cả được niêm phong trong phong bì ký hiệu K); 01 chai nhựa màu trắng có gắn nắp đậy màu trắng, trên nắp có gắn 01 ống nhựa màu trắng và 01 ống nhỏ thủy tinh màu trắng, bên trong ống nhỏ thủy tinh có vệt màu trắng và vệt màu vàng (được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS 1914563).

- + Thu trong tủ kim loại trong phòng trọ số 10: 02 (hai) túi nylon màu trắng hàn kín 04 phía, 01 phía có rãnh khép và vạch ngang màu đỏ, hai túi nylon đều có kích thước 4cm x 6,5cm, bên trong mỗi túi nylon có một túi nylon màu trắng hàn kín 04 phía, 01 phía có rãnh khép và vạch ngang màu đỏ bên trong đều có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1); 01 (một) cân điện tử màu đen - trắng.

Lời khai ban đầu Nguyễn Thị Ngọc G khai: G, C và L là người sử dụng ma túy. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, khoảng 20 giờ 00 phút ngày 25/4/2023 Giào đến phòng trọ số 08, nhà trọ T3 (ở ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre) của Phan Ngọc T2 (sinh năm 1982; đăng ký thường trú: Số D đường H, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre) gặp T2 mua 600.000 đồng ma túy loại Heroine đem về phòng trọ của G cất giấu để bán. Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 25/4/2023, G mua của A xì po (không rõ họ tên, địa chỉ) 1.700.000 đồng ma túy đá tại phòng trọ của G. Sau khi có được ma túy, khoảng 09 giờ 00 phút ngày 26/4/2023, G đang ngủ tại phòng trọ số A cùng bạn trai tên Nguyễn Huy C1 (sinh năm 1978; đăng ký thường trú: Số A,

Áp C, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre) thì Huỳnh Hải Sơn L đến mua 200.000 đồng ma túy đá, L đưa G 200.000 đồng, G đưa cho L 01 túi ma túy đá. Mua xong ma túy, L ra về đến cổng nhà trọ thì gặp Nguyễn Quốc C, C kêu L cho C sử dụng ma túy, L đồng ý. C và L trở lại phòng trọ kêu G mở cửa cho hai người vào sử dụng ma túy. Giào mở cửa, L lấy túi ma túy đưa cho C bỏ vào bình nhựa có gắn nỏ thủy tinh, L và C cùng sử dụng ma túy, còn G tiếp tục vào ngủ với Nguyễn Huy C1. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, Bùi Phong N đến phòng trọ số A gõ cửa hỏi mua ma túy, lúc này Nguyễn Quốc C đang ngồi trong phòng trọ nói cho G biết, G lấy 02 tép Heroine đưa cho Nguyễn Quốc C để C bán cho N thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Ngoài lần bị bắt quả tang, Nguyễn Thị Ngọc G còn bán ma túy cho Bùi Phong N và Huỳnh Hải Sơn L tại phòng trọ số 10 của G, như sau:

1/ Bán ma túy cho Bùi Phong N 04 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 19/4/2023, N đến phòng trọ của G mua 02 tép Heroine với giá 200.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 20/4/2023, N đến phòng trọ của G mua 02 tép Heroine với giá 200.000 đồng.

- Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 22/4/2023, N đến phòng trọ của G mua 02 tép Heroine với giá 200.000 đồng.

- Lần thứ tư: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 25/4/2023, N đến phòng trọ của G mua 01 tép Heroine với giá 100.000 đồng.

2/ Bán ma túy cho Huỳnh Hải Sơn L 03 lần, lần gần nhất cách ngày bị bắt khoảng 02 tuần, mỗi lần L mua 01 túi ma túy đá giá 200.000 đồng, 03 lần giá 600.000 đồng.

Theo Bản kết luận giám định số 305A/2023/KL-KTHS ngày 28/4/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

- Chất màu trắng đựng trong 02 (hai) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu M là ma túy; loại Heroin, khối lượng 0,0219 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 02 túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 4,9942 gam.

Theo Bản kết luận giám định số 305B/2023/KL-KTHS ngày 07/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 0,4306 gam.

- Chất màu trắng đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu K là ma túy; loại Heroin, khối lượng 0,0479 gam.

- Vệt màu trắng và vệt màu vàng dính trong nỏ thủy tinh được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS1, số 1914563 là ma túy; loại Methamphetamine; không

xác định được khối lượng do mẫu vật cần giám định tồn tại ở dạng vết.

Tổng cộng: 5,4248 gam Methamphetamine và 0,0698 gam Heroine.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Huỳnh Hải Sơn L phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G 08 (tám) năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G 07 (bảy) năm tù về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2023;

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Hải Sơn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Quốc C, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 11/01/2024, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt.

- Ngày 15/01/2024, bị cáo Huỳnh Hải Sơn L kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Các bị cáo kháng cáo trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Huỳnh Hải Sơn L phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G 08 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, 07 năm tù về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và xử

phạt bị cáo Huỳnh Hải Sơn L 02 năm 06 tháng tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là tương xứng; kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G 08 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G 07 năm tù về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G chấp hành hình phạt chung là 15 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Hải Sơn L 02 năm 06 tháng tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Các bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo G nói lời sau cùng: Những ngày bị tạm giam bị cáo rất ăn năn hối hận về những việc bị cáo đã làm. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về nuôi con.

- Bị cáo L nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Từ ngày 19/4/2023 đến ngày 26/4/2023, trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bến Tre; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Bùi Phong N 05 lần, loại H, thu lợi bất chính số tiền 900.000 đồng và Huỳnh Hải Sơn L 03 lần, loại M, thu lợi bất chính số tiền 600.000 đồng. Trong đó; lần vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 26/4/2023, Nguyễn Quốc C có hành vi giúp sức cho G bán trái phép chất ma túy cho Bùi Phong N, loại Heroine, khối lượng 0,0219 gam với số tiền 200.000

đồng thì bị Công an bắt quả tang. Tổng cộng Nguyễn Thị Ngọc G tàng trữ 5,4248 gam ma túy loại Methamphetamine và 0,0479 gam ma túy loại Heoroin để bán cho những người nghiện ma túy.

Ngoài hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy như đã nêu trên; ngày 26/4/2023, sau khi bán ma túy cho Huỳnh Hải Sơn L thì Nguyễn Thị Ngọc G cho Huỳnh Hải Sơn L và Nguyễn Quốc C sử dụng ma túy tại phòng trọ số A, nhà T ở ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre do G thuê. Huỳnh Hải Sơn L đã có hành vi cung cấp trái phép chất ma túy cho Nguyễn Quốc C sử dụng tại phòng trọ số A.

[3] Về tội danh: Các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy nhiều lần cho người nghiện ma túy và đã tàng trữ trái phép 5,4248 gam ma túy loại Methamphetamine và 0,0479 gam ma túy loại Heoroin nhằm mục đích bán lại cho người khác để thu lợi bất chính; bị cáo G còn chứa chấp cho Huỳnh Hải Sơn L và Nguyễn Quốc C sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của bị cáo thuê; bị cáo Huỳnh Hải Sơn L đã cung cấp ma túy cho Nguyễn Quốc C sử dụng; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, khối lượng chất ma túy và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Heroine, M có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Huỳnh Hải Sơn L phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự; các bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo G *nuôi con nhỏ* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo G 15 năm tù cho cả 02 tội và bị cáo L 02 năm 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù các bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo G có tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo L có tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự. Tuy nhiên các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; bị cáo G cùng lúc phạm nhiều tội mà mỗi tội đều có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, ngoài việc trực tiếp bán ma túy bị cáo còn nhờ bị cáo C bán ma túy giùm cho bị cáo; bị cáo L phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nhiều hệ quả xấu cho xã hội, chính ma túy đã gây tổn hại cho sức khỏe của con người, làm suy giảm giống nòi, suy giảm đạo đức xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo G 08 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, 07 năm tù về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và xử phạt bị cáo L 02 năm 06 tháng tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với các bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G và Huỳnh Hải Sơn L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 08/2024/HS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre;

1.1. Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G 08 (tám) năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G 07 (bảy) năm tù về “Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2023.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Hải Sơn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tổ

chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo Huỳnh Hải Sơn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (6b);
- VKSND thành phố B (1b);
- Công an thành phố B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (1b);
- UBND Phường x, thành phố B (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Các bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông